

Số: 2519/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 28 tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành bổ sung một số định mức, đơn giá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị, nông thôn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 04/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập đơn giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 528/SXD-KTXD ngày 10/6/2014; Báo cáo một số nội dung liên quan đến việc xây dựng định mức, đơn giá: số 572/SXD-KTXD ngày 24/7/2014 và số 801/SXD-KTXD ngày 06/8/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này một số định mức, đơn giá công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị, nông thôn.

Điều 2. Đơn giá nêu tại Điều 1 được bổ sung vào bộ đơn giá công tác dịch vụ công ích đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 20/8/2010; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh;

- Bộ đơn giá công tác dịch vụ công ích là cơ sở để lập dự toán và quản lý chi phí công tác dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

- Giao Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành xây dựng hệ số điều chỉnh đơn giá áp dụng cho các khu vực khác trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn áp dụng cụ thể;

- Đơn giá này được áp dụng kể từ ngày 01/9/2014.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó VP/UB;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các Phòng CM thuộc VP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, XD;
- Gửi: Bản giấy và điện tử.



**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH



ĐỊNH MỨC DỰ TOÁN
CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
SINH HOẠT Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 29/7/2014 của UBND
tỉnh Hà Tĩnh)

HÀ TĨNH, NĂM 2014

PHẦN I
THUYẾT MINH ĐỊNH MỨC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ
RÁC THẢI SINH HOẠT Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN

1. Nội dung định mức.

- Định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn, bao gồm các hao phí cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực đô thị và nông thôn;

- Phạm vi các công việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn được định mức bao gồm các công việc liên quan đến quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải để đảm bảo việc duy trì vệ sinh môi trường.

2. Các căn cứ xác lập định mức.

- Quy trình kỹ thuật thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hiện đang áp dụng phổ biến ở các khu vực đô thị và nông thôn.

- Nghị định số 42/2009/NĐ-CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ về việc phân loại đô thị và phân cấp quản lý đô thị;

- Số liệu về tình hình sử dụng lao động, trang thiết bị xe máy, kỹ thuật cũng như kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh

3. Kết cấu của tập định mức.

- Định mức được trình bày theo loại công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải khu vực đô thị và nông thôn. Mỗi định mức được trình bày gồm: thành phần công việc, phạm vi áp dụng các trị số mức và đơn vị tính phù hợp để thực hiện công việc đó./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 

PHẦN II
NỘI DUNG ĐỊNH MỨC

MT1.08.00. Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm khu vực nông thôn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Đẩy xe gom rác dọc ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân;
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ rác lên xe gom;
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên xe gom rác và đẩy xe gom rác về vị trí quy định;
- Đối với những ngõ rộng có rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua rãnh và xúc lên xe gom rác;
- Vận chuyển về địa điểm quy định;
- Đảm bảo an toàn giao thông;
- Vận động, tuyên truyền nhân dân chấp hành quy định về vệ sinh;
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 1Km

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.08.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm khu vực nông thôn	Vật liệu: chổi tre 1,2m	Cái	0,075
		Nhân công: Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	Công	1,4

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng $\geq 1,5m$.
- Hao phí nhân công thực hiện công tác quét, gom rác đường ngõ xóm khu vực nông thôn cho một lần thực hiện.

MT1.09.00. Công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Đẩy xe dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên ngõ xóm, xúc hết rác trên ngõ xóm trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc;

- Vận chuyển, trung chuyển xe gom rác về địa điểm tập trung rác theo quy định;
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông;
- Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.09.00	Công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn	Vật liệu: chổi tre 1,2m	cái	0,096
		Nhân công: Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	Công	0,80

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho các ngõ xóm có yêu cầu gom rác ban ngày bằng thủ công.
- Hao phí nhân công của công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn cho một lần thực hiện.

MT1.10.00. Công tác quét, gom đất, cát, bụi đường phố ban ngày bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển đến nơi làm việc, đặt biển báo hiệu;
- Quét cát trên đường phố, gom thành từng đống nhỏ bằng thủ công với quy trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom đất, cát trên toàn bộ lòng đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước. Thời gian làm việc 2 ngày 1 lần;
- Hót, xúc đất, cát, bụi vào xe kéo đẩy tay;
- Vận chuyển về điểm quy định để chuyển sang xe cơ giới;
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện gom rác, cát vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 10.000m²

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.10.00	Công tác quét, gom đất, cát bụi đường phố bằng thủ công	Nhân công: Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	Công	3,0

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu quét, gom đất, cát, bụi đường phố ban ngày bằng thủ công;
- Áp dụng cho công tác quét, gom cát bụi đường phố ban ngày bằng thủ công với quy định thực hiện 2 bên lề;
- Hao phí nhân công công tác quét, gom đất, cát bụi đường phố bằng thủ công của đô thị loại III, IV, V cho một lần thực hiện.

MT1.11.00. Công tác tưới nước hạn chế bụi đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý rác (cả chiều đi và về)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động;
- Di chuyển xe ép rác có gắn kết nước đến lấy nước đúng tuyến quy định, kiểm tra van khoá trước khi hứng nước;
- Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đậy nắp téc, khoá chặt;
- Tiến hành phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển rác đến nhà máy xử lý;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Đơn vị tính: 1km cả chiều đi và về

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.11.00	Công tác tưới nước hạn chế bụi đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý rác	Nhân công: Cấp bậc thợ bình quân 4,5/7	Công	0,013
		Máy thi công: xe ép rác 4tấn kết hợp tưới nước	Ca	0,014

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho trường hợp xe vận chuyển rác đi qua khu vực đường gây ra bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

MT1.12.00. Công tác thu gom rác sinh hoạt khu vực nông thôn từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác (hoặc lò đốt) với cự ly bình quân 25km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;

- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom rác;
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) vào máng hứng, ép vào xe;
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe;
- Điều khiển xe đến địa điểm gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép;
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác;
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác;
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.12.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt khu vực nông thôn từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác (hoặc lò đốt) với cự ly bình quân 25Km	Nhân công: Cấp bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,29
		Máy thi công: Xe ép rác 4 tấn	Ca	0,11

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì chi phí nhân công và máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly bình quân	Hệ số (K)
5km	0,70
10km	0,80
15km	0,90
20km	0,95
30km	1,11
35km	1,22
40km	1,30
45km	1,38
50km	1,45

MT1.13.00. Công tác xử lý rác bằng lò đốt SANKYO CNC 150

Thành phần công việc:

*** Đốt rác:**

- Kiểm tra lò đốt, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Tập kết rác trước cửa lò đốt;
- Phun thuốc xử lý rác;
- Nhóm lò bằng các loại vật liệu khô, dễ cháy;
- Sau khi lò đã cháy, đưa các loại rác khô vào trước, rác ướt khó cháy vào sau.
- Theo dõi, kiểm tra tiến trình đốt;
- Sau mỗi đợt đốt hoặc sau khi ngừng đốt, mở cửa lò tưới nước làm nguội tro, xúc vào thùng vận chuyển;
- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh lò và giao ca.

*** Chôn tro:**

- Vận chuyển tro đến bãi chôn lấp hoặc tập kết tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Loại công tác	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
MT1.13.00	Công tác đốt rác bằng lò đốt Sankyo CNC 150	Vật liệu:		
		Cùi nhóm lò	kg	1
		Thuốc xử lý rác	lít	0,35
		Điện	Kw	0,25
		Nhân công:		
		Cấp bậc thợ bình quân 4/7	Công	0,6
		Máy thi công:		
		Lò đốt sankyo CNC 150	Ca	0,125

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng đối với việc đốt rác bằng lò đốt sử dụng khí tự nhiên SANKYO.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

ĐƠN GIÁ

**CÔNG TÁC THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ RÁC THẢI
SINH HOẠT Ở KHU VỰC ĐÔ THỊ, NÔNG THÔN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2519/QĐ-UBND ngày 29/6/2014 của UBND
tỉnh Hà Tĩnh)*

HÀ TĨNH, NĂM 2014

PHẦN I

THUYẾT MINH VÀ QUY ĐỊNH ÁP DỤNG

I. NỘI DUNG ĐƠN GIÁ.

Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt ở khu vực đô thị và nông thôn bao gồm chi phí cần thiết về vật tư, vật liệu, nhân công và xe máy để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải.

Trong đơn giá bao gồm các chi phí:

1. Chi phí vật liệu:

Chi phí vật liệu trong đơn giá là chi phí vật tư, vật liệu cần thiết để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

Giá vật liệu trong đơn giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được lấy theo mặt bằng giá thị trường ở thời điểm tháng 6 năm 2014 trên địa bàn tỉnh

2. Chi phí nhân công:

Chi phí nhân công trong đơn giá là chi phí ngày công lao động cần thiết của công nhân trực tiếp thực hiện để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

Chi phí nhân công trong đơn giá được tính với mức lương tối thiểu 1.900.000đ/tháng ban hành kèm theo Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ. Cấp bậc tiền lương theo bảng lương A.1.5 ban hành kèm theo Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ, phụ cấp độc hại ở mức 20% tiền lương tối thiểu, một số khoản lương phụ (nghỉ lễ, tết, phép...) 12% so với tiền lương cấp bậc, chưa bao gồm phụ cấp làm đêm, nếu công việc nào có tính chất làm đêm thì tính phụ cấp làm đêm theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

3. Chi phí xe máy:

Chi phí xe máy là chi phí ca máy thiết bị cần thiết trực tiếp sử dụng để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải.

Chi phí ca xe máy thiết bị được tính dựa trên cơ sở thông tư 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công công trình xây dựng.

Đơn giá nhiên liệu (chưa có thuế giá trị gia tăng) tính trong đơn giá ca máy như sau:

Dầu Dieszel : 21.036 đồng/lít
Xăng A92 : 22.928 đồng/lít
Điện: : 1.262 đồng/Kwh

II. CƠ SỞ LẬP ĐƠN GIÁ.

- Căn cứ Nghị định 205/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ quy định hệ thống thang bảng lương và chế độ phụ cấp lương trong các Công ty Nhà nước;

- Căn cứ Nghị định 182/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng;

- Căn cứ Thông tư số 06/2010/TT-BXD ngày 26/5/2010 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công công trình xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

- Căn cứ công văn số 2272/BXD-VP ngày 10/11/2008 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải đô thị;

- Quy trình kỹ thuật thực hiện công tác dịch vụ công ích đô thị hiện hành đang được áp dụng phổ biến;

- Căn cứ vào định mức thực tế của một số công tác dịch vụ công ích đô thị hiện đang áp dụng và kết quả điều tra khảo sát tại các đơn vị dịch vụ đô thị về định mức hao phí thực tế một số công tác chưa có trong hệ thống định mức, đơn giá hiện hành.

III. QUY ĐỊNH ÁP DỤNG.

Đơn giá này được bổ sung vào Đơn giá công tác dịch vụ công ích đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 2450/QĐ-UBND ngày 20/8/2010 và Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 22/8/2012 của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

- Đơn giá này là cơ sở để lập dự toán và quản lý chi phí công tác dịch vụ công ích đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Đối với các khu vực có nhân công qui định ở mức khác với mức đã tính trong đơn giá thì giao Sở Xây dựng căn cứ các quy định hiện hành, xây dựng hệ số điều chỉnh đơn giá và hướng dẫn áp dụng cụ thể;

- Đơn giá này được áp dụng kể từ ngày 01/7/2014;

- Tại thời điểm lập dự toán nếu đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công có biến động lớn do thay đổi chế độ chính sách, giá cả thì các đơn vị thực hiện tổ chức lập đơn giá điều chỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định hiện hành;

Trong quá trình sử dụng bộ đơn giá này nếu gặp khó khăn, vướng mắc đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Xây dựng để nghiên cứu, tổng hợp trình UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 

PHẦN II
NỘI DUNG ĐƠN GIÁ

MT1.08.00. Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm khu vực nông thôn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Đẩy xe gom rác dọc ngõ, gõ kèng và thu rác nhà dân;
- Thu nhặt các túi rác hai bên ngõ, đứng đợi người dân bỏ rác lên xe gom;
- Dùng chổi, xẻng xúc dọn các mô rác dọc ngõ xóm (nếu có) lên xe gom rác và đẩy xe gom rác về vị trí quy định;
- Đối với những ngõ rộng có rãnh thoát nước, dùng chổi, xẻng tua rãnh và xúc lên xe gom rác;
- Vận chuyển về địa điểm quy định;
- Đảm bảo an toàn giao thông;
- Vận động, tuyên truyền nhân dân chấp hành quy định về vệ sinh;
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện thu gom rác, cất vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 1Km

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.08.00	Công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm khu vực nông thôn	1Km	1.875	358.486		360.361

Phạm vi áp dụng:

- Áp dụng cho công tác duy trì vệ sinh ngõ xóm có chiều rộng $\geq 1,5m$.
- Hao phí nhân công thực hiện công tác quét, gom rác đường ngõ xóm khu vực nông thôn cho một lần thực hiện.

MT1.09.00. Công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Đẩy xe dọc tuyến đường, nhặt hết các loại rác, các loại phế thải trên ngõ xóm, xúc hết rác trên ngõ xóm trong phạm vi đường được phân công trong ca làm việc;
- Vận chuyển, trung chuyển xe gom rác về địa điểm tập trung rác theo quy định;
- Cảnh giới đảm bảo an toàn giao thông;
- Vệ sinh tập trung dụng cụ, phương tiện về nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.09.00	Công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn	1 Tấn	2.400	204.849		207.249

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho các ngõ xóm có yêu cầu gom rác ban ngày bằng thủ công.
- Hao phí nhân công của công tác quét, gom rác ban ngày bằng thủ công khu vực nông thôn cho một lần thực hiện.

MT1.10.00. Công tác quét, gom đất, cát, bụi đường phố ban ngày bằng thủ công

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển đến nơi làm việc, đặt biển báo hiệu;
- Quét cát trên đường phố, gom thành từng đống nhỏ bằng thủ công với quy trình nghiệm thu khối lượng diện tích quét, gom rác trên toàn bộ 2m lòng đường của mỗi bên đường kể từ mép ngoài của rãnh thoát nước. Thời gian làm việc 2 ngày 1 lần;
- Hót, xúc cát, bụi vào xe kéo đẩy tay;
- Vận chuyển về điểm quy định để chuyển sang xe cơ giới;
- Vệ sinh dụng cụ, phương tiện gom rác, cát vào nơi quy định.

Đơn vị tính: 10.000m²

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.10.00	Công tác quét, gom đất, cát, bụi đường phố ban ngày bằng thủ công	10.000m ²		768.185		768.185

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho các tuyến phố có yêu cầu quét, gom đất, cát, bụi đường phố ban ngày bằng thủ công;
- Áp dụng cho công tác quét, gom cát bụi đường phố ban ngày bằng thủ công với quy định thực hiện 2 bên lề;
- Hao phí nhân công công tác quét, gom đất, cát bụi đường phố bằng thủ công của đô thị loại III, IV, V cho một lần thực hiện.

MT1.11.00. Công tác tưới nước hạn chế bụi đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý rác (cả chiều đi và về)

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ và bảo hộ lao động;
- Di chuyển xe ép rác có gắn két nước đến lấy nước đúng tuyến quy định, kiểm tra van khoá trước khi hứng nước;
- Để miệng téc đúng họng nước, khi téc đầy khoá van họng nước, đậy nắp téc, khoá chặt;
- Tiến hành phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển rác đến nhà máy xử lý;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, tập kết về địa điểm quy định.

Đơn vị tính: 01km cả chiều đi và về

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.11.00	Công tác tưới nước hạn chế bụi đường vận chuyển rác vào nhà máy xử lý rác	1km		3.329	25.953	28.824

Phạm vi áp dụng định mức:

- Áp dụng cho trường hợp xe vận chuyển rác đi qua khu vực đường gây ra bụi ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

MT1.12.00. Công tác thu gom rác sinh hoạt khu vực nông thôn từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đổ rác (hoặc lò đốt) với cự ly bình quân 25km

Thành phần công việc:

- Chuẩn bị phương tiện, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động;
- Di chuyển phương tiện đến địa điểm thu gom rác;
- Nạp rác từ xe thô sơ (xe đẩy tay) vào máng hứng, ép vào xe;
- Thu gom, quét dọn rác rơi vãi lên xe;
- Điều khiển xe đến địa điểm gom kế tiếp, tác nghiệp đến lúc rác đầy xe ép;
- Điều khiển xe về địa điểm đổ rác;
- Cân và đổ rác tại địa điểm đổ rác;
- Di chuyển xe ép về điểm đỗ;
- Hết ca vệ sinh phương tiện, giao ca.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.12.00	Công tác thu gom rác sinh hoạt khu vực nông thôn từ các xe thô sơ (xe đẩy tay) tại các điểm tập kết lên xe ép rác, vận chuyển đến địa điểm đốt rác (hoặc lò đốt) với cự ly bình quân 25Km	1 Tấn		68.561	203.918	272.479

Ghi chú: Khi cự ly thu gom và vận chuyển bình quân thay đổi thì chi phí nhân công và máy thi công được điều chỉnh với các hệ số sau:

Cự ly bình quân	Hệ số (K)
5km	0,70
10km	0,80
15km	0,90
20km	0,95
25km	1,00
30km	1,11
35km	1,22
40km	1,30
45km	1,38
50km	1,45

MT1.13.00 Công tác xử lý rác bằng lò đốt SANKYO CNC 150

Thành phần công việc:

* **Đốt rác:**

- Kiểm tra lò đốt, dụng cụ lao động và trang bị bảo hộ lao động.
- Tập kết rác trước cửa lò đốt;
- Phun thuốc xử lý rác;
- Nhóm lò bằng các loại vật liệu khô, dễ cháy;
- Sau khi lò đã cháy, đưa các loại rác khô vào trước, rác ướt khó cháy vào sau.
- Theo dõi, kiểm tra tiến trình đốt;

- Sau mỗi đợt đốt hoặc sau khi ngừng đốt, mở cửa lò tưới nước làm nguội tro, xúc vào thùng vận chuyển;
- Kết thúc ca làm việc, vệ sinh lò và giao ca.

* *Chôn tro:*

- Vận chuyển tro đến bãi chôn lấp hoặc tập kết tại nơi quy định.

Đơn vị tính: 1 tấn rác

Mã hiệu	Danh mục đơn giá	Đơn vị	Vật liệu	Nhân công	Máy	Đơn giá
MT1.13.00	Công tác đốt rác bằng lò Sankyo CNC 150	1 Tấn	17.266	125.164	68.359	237.789

Phạm vi áp dụng định mức: Áp dụng đối với việc đốt rác bằng lò đốt sử dụng khí tự nhiên SANKYO.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH 